

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 1/12

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NOI NHẬN	TT	NOI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KDĐV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KDĐV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	15/4/2026	Cập nhật mới nội dung quy trình theo các quy định mới hiện hành.

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Hoàng Tân	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC**

Mã số: V601-08

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 2/12

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện kiểm dịch đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu sản phẩm động vật thủy sản tiêu thụ trong nước qua các cửa khẩu trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y 2015;

Luật Thủy sản 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 3/12

Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu Công nghiệp, Tiêu chuẩn; Đo lường và Chất lượng sản phẩm, Hàng hóa; hoạt động Khoa học và Công nghệ, chuyển giao công nghệ, Năng lượng nguyên tử;

Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Thông tư số 03/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 4/12

thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 05/2019/TT-BKHCHN ngày 26/6/2019 của Bộ Khoa học Công nghệ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

TT 03: Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

HS: Hồ sơ

GCKND: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Đơn vị kiểm dịch động vật: Trong quy trình này là các phòng/trạm trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI thực hiện công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

Chủ hàng: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báo kiểm dịch.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 5/12

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

TT	Trách nhiệm	Nội dung kiểm dịch	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KDVĐV (Tại bộ phận một cửa)	Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch	Trong thời gian 01 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	KDVĐV	Lô hàng lấy mẫu kiểm dịch Lấy mẫu kiểm dịch Đạt yêu cầu Dự thảo cấp giấy chứng nhận kiểm dịch Lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch Có kiểm tra thực trạng hàng hóa Không kiểm tra thực trạng hàng hóa Không đạt yêu cầu Các bước xử lý lô hàng theo quy định	Từ 01 đến 05 ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.5
3	KDVĐV	Phê duyệt của Lãnh đạo Chi Lưu hồ sơ		

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 6/12

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch

Chủ hàng khi nhập khẩu sản phẩm động vật thủy sản có trong danh mục mục số 5 Phụ lục I Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/02/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải nộp hồ sơ khai báo kiểm dịch với đơn vị kiểm dịch động vật.

5.2.1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp. Trường hợp gửi hồ sơ qua thư điện tử, fax, sau đó chủ hàng phải gửi hồ sơ bản chính (khoản 2 Điều 11 TT03).

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch:

- a) Đơn khai báo kiểm dịch (Mẫu số 03TS theo Phụ lục V TT03);
- b) Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- c) Bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của doanh nghiệp, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu;
- Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;
- d) Bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của doanh nghiệp;
- đ) Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không hợp lệ thì đơn vị kiểm dịch được phân công phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

5.2.1.3. Xác nhận địa điểm kiểm dịch (khoản 5 Điều 11 TT03)

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 7/12

động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục V TT03 và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

5.2.2. Nội dung kiểm dịch:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 TT03

a) Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa, đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Trường hợp đáp ứng yêu cầu, đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV TT03 và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển theo mẫu 10 TS Phụ lục V TT03 để chủ hàng vận chuyển về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho phải bảo đảm điều kiện bảo quản hàng hóa). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng hóa thì đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh phải được lưu giữ tại cửa khẩu nhập đến khi có kết quả kiểm dịch đạt yêu cầu.

5.2.2.1. Đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch

Việc lấy mẫu, kiểm tra theo tần suất áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 trong cùng 01 năm.

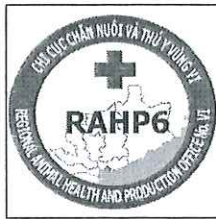
1. Tần suất lấy mẫu:

Lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để xét nghiệm và áp dụng như sau:

a) Nếu kết quả xét nghiệm của 03 (ba) lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu, cứ 05 (năm) lô hàng tiếp theo chỉ lấy mẫu ngẫu nhiên của 01 (một) lô hàng để xét nghiệm; trường hợp lô hàng được lựa chọn kiểm tra có kết quả xét nghiệm không đạt yêu cầu, lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để xét nghiệm;

b) Nếu kết quả xét nghiệm của 01 (một) lô hàng không đạt yêu cầu, tiếp tục lấy mẫu của 03 (ba) lô hàng liên tiếp để xét nghiệm.

2. Số lượng mẫu và mẫu xét nghiệm:



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC**

Mã số: V601-08

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 8/12

a) Lô hàng có một mặt hàng: lấy 05 (năm) mẫu và gộp thành 01 (một) mẫu để xét nghiệm các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh theo quy định tại Mục I phần B Phụ lục IV TT03;

b) Lô hàng có nhiều mặt hàng: lựa chọn mặt hàng có số lượng lớn hơn để lấy mẫu theo điểm a khoản này, lấy mẫu tối đa của 03 mặt hàng; trường hợp các mặt hàng của lô hàng có số lượng bằng nhau, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lựa chọn ngẫu nhiên mặt hàng để lấy mẫu.

5.2.2.2. Đối với lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch

Đối với sản phẩm được lấy từ các họ/loài thủy sản không thuộc Mục I phần B Phụ lục IV (không thuộc chỉ tiêu xét nghiệm), thực hiện như sau:

a) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa của 03 (ba) lô hàng liên tiếp và áp dụng:

- Nếu kết quả kiểm tra của 03 (ba) lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu, cứ 05 (năm) lô hàng tiếp theo chỉ kiểm tra ngẫu nhiên của 01 (một) lô hàng; trường hợp lô hàng được lựa chọn kiểm tra không đạt yêu cầu, kiểm tra ngẫu nhiên của 03 (ba) lô hàng liên tiếp;

- Nếu kết quả kiểm tra của 01 (một) lô hàng không đạt yêu cầu, tiếp tục kiểm tra của 03 (ba) lô hàng liên tiếp.

b) Trường hợp phát hiện lô hàng không đạt yêu cầu về ngoại quan, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại, tác nhân gây bệnh theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng của Việt Nam, quy định quốc tế.

5.2.3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu – xử lý lô hàng

a) Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản **không phải lấy mẫu kiểm tra nhưng phải kiểm tra hồ sơ khai báo và thực trạng hàng hoá**: Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hoá đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra thực trạng hàng hoá, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu.

- Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật thủy sản (Mẫu 13TS phụ lục V TT03).

- Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu kiểm dịch, KDVDV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 11TS Phụ lục V TT03 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục hoặc Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 9/12

b) Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra, **chỉ kiểm tra hồ sơ khai báo**: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS Phụ lục V TT03 sau khi kiểm tra hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đạt yêu cầu.

- Kết quả kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu kiểm dịch, KDVĐV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 11TS Phụ lục V TT03 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục hoặc Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

c) Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm; kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

- Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm - Mẫu 19 TS. (Mẫu 19TS, Phụ lục V TT 03);

- Sau khi lấy mẫu, KDVĐV mã hóa, lập phiếu yêu cầu xét nghiệm và gửi mẫu đến phòng thử nghiệm thuộc hoặc trực thuộc cơ quan chăn nuôi và thú y, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp (lĩnh vực thử nghiệm liên quan đến các chỉ tiêu xét nghiệm bệnh động vật) đối với xét nghiệm các tác nhân gây bệnh quy định tại mục I Phần A, mục I Phần B quy định tại phụ lục III TT03. Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu theo quy định.

- Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu kiểm dịch, KDVĐV dự thảo về nội dung của GCNKD theo mẫu 11TS Phụ lục V TT03 trình Lãnh đạo đơn vị xem xét trước khi trình Lãnh đạo Chi cục hoặc Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt và phát hành cho chủ hàng.

Trường hợp lô hàng chưa đạt yêu cầu lấy mẫu kiểm dịch, KDVĐV lập Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật thủy sản (Mẫu 13TS phụ lục V TT03).

c) Hình thức cấp GCNKD: bản điện tử trong trường hợp hồ sơ được gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công; bản giấy trong trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử hoặc fax hoặc gửi trực tiếp hoặc theo yêu cầu của chủ hàng.

d) Trường hợp không cấp GCNKD, đơn vị kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do;

đ) Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu: Có giá trị sử

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 10/12

dụng không quá 60 ngày.

Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì đơn vị kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Xử lý lô hàng

Những lô hàng không đạt yêu cầu kiểm dịch, đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện trình tự thủ tục xử lý lô hàng theo quy định

f) Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Đơn vị kiểm dịch động vật thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.4. Trường hợp sau khi đơn vị kiểm dịch đã cấp GCNKD theo quy định, chủ hàng yêu cầu cấp GCNKD thay đổi do sai sót thông tin hoặc bổ sung thông tin trên GCNKD (số lượng, quy cách đóng gói, ngày khởi hành,...) thì chủ hàng phải có Công văn nêu rõ lý do hoặc cung cấp chứng từ xuất khẩu kèm theo có liên quan đến lô hàng để đơn vị kiểm dịch có cơ sở cấp GCNKD thay đổi thông tin. Lãnh đạo phòng/Trạm kiểm tra, xem xét và có ý kiến đề xuất việc cấp thay đổi và trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt GCNKD cấp đổi.

5.2.5. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Căn cứ nội dung dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu, Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền thực hiện việc phê duyệt:

- Nếu đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo GCNKD hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng không đạt yêu cầu thì Lãnh đạo Chi cục/Lãnh đạo đơn vị được ủy quyền cho ý kiến.

5.2.6. Phát hành GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng.

Đơn vị kiểm dịch động vật gửi GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng và lưu hồ sơ theo quy định (khi chủ hàng đã hoàn tất việc đóng phí, lệ phí kiểm dịch).

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC	Mã số: V601-08
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 11/12

- Bộ phận Một cửa chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật; theo dõi, đôn đốc tiến độ xử lý hồ sơ và cảnh báo khi gần hết hạn.

- KDVĐV được phân công tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch chịu trách nhiệm trước Trưởng bộ phận Một cửa về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định pháp luật.

- Phòng/ Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch do Phòng/ Trạm mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của hồ sơ kiểm dịch và nội dung chứng nhận kiểm dịch.

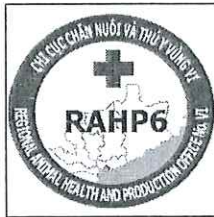
- KDVĐV trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Phòng, Trạm về kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của toàn bộ hồ sơ kiểm dịch; có trách nhiệm giải trình trước Lãnh đạo Chi cục về việc chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ và các vi phạm (nếu có).

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, KDVĐV dự thảo văn bản thông báo gửi lên BPMC kèm theo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu 03TS phụ lục TT03); - Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu; - Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Chăn nuôi và Thú y; - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có).	Phương pháp lưu Bản cứng trong các cấp file	Cơ quan	02 năm



**QUY TRÌNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
NHẬP KHẨU ĐỂ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC**

Mã số: V601-08

Ngày ban hành: 15/4/2026

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 12/12

2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch quản lý lô hàng - Hồ sơ chủ hàng nộp; - Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật thủy sản (mẫu 13TS phụ lục V TT 03): Áp dụng đối với lô hàng kiểm tra thực trạng hàng hóa; - Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu 19TS Phụ lục V TT03): đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch; - Phiếu yêu cầu xét nghiệm (nếu có); - Kết quả xét nghiệm (nếu có); - Giấy CNKD sản phẩm động vật nhập khẩu (mẫu 11TS của TT03); - Biên bản trả lại mẫu thừa (nếu có); - Biên bản vi phạm hành chính (nếu có); - Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có); - Quyết định xử lý lô hàng (nếu có); - Công văn phối hợp với các cơ quan hữu quan (nếu có); - Các giấy tờ khác liên quan đến lô hàng (nếu có).			
---	--	--	--

THỦY SẢN

